

XBP

VV

3285

# TRẬN ĐẤU Diệt Mỹ

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI 1999

**HÀO KHÍ ĐỒNG NAI**

**TRẦN ĐẦU DIỆT MỸ**

*(In lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung)*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI – 1999

**Chỉ đạo nội dung :**

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

*Tổ chức thực hiện :*

THÀNH ỦY BIÊN HÒA

*Người viết :*

**Hồ Văn Sơn** (Chủ biên)

**Trần Quang Toại**

**Nguyễn Quang Hữu**

**Trần Toàn**

## LỜI GIỚI THIỆU

*Trong tiến trình lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, Biên Hòa – Đồng Nai có vị trí chiến lược quan trọng ở miền Đông Nam Bộ. Đảng bộ và quân dân Biên Hòa – Đồng Nai đã phát huy truyền thống bất khuất của dân tộc và truyền thống “Miền Đông gian lao mà anh dũng”, làm nên những chiến công có ý nghĩa lịch sử.*

*Trong những chiến công qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược của quân dân địa phương, trận tập kích vào “Nhà xanh” – trụ sở đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) ở Biên Hòa đêm 7-7-1959 là một nét son trong lịch sử địa phương.*

*Trận đánh diễn ra trong bối cảnh đế quốc Mỹ và chế độ tay sai bán nước ở Sài Gòn đã bộc lộ bản chất xâm lược, phát xít đến cao độ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, giết hại cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước; nhân dân miền Nam nói chung, nhân dân Biên Hòa nói riêng không thể cam tâm chịu đựng sống dưới sự cai trị bằng bạo lực phản cách mạng của ngụy quyền miền Nam. Chính vì vậy, ý nghĩa của trận đánh đã vượt qua khỏi phạm vi của một tỉnh: Đó là lời tố cáo đanh thép âm mưu xâm lược miền Nam của đế quốc Mỹ; vạch trần bản chất tay sai của chế độ ngụy quyền Sài Gòn; đồng thời là sự kiện tiêu biểu cho truyền thống yêu nước và đấu tranh bất khuất của dân tộc, quyết tâm kháng chiến của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân ta vì lý tưởng “Không có gì quý hơn độc lập tự do”; là tiếng súng “tiên Đồng Khởi” của quân dân miền Đông Nam Bộ.*

*Nhân kỷ niệm 40 năm trận tập kích vào trụ sở đoàn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa (7-7-1959 – 7-7-1999). Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chủ trương cho tái bản (có sửa chữa, bổ sung) quyển “Trận đầu diệt Mỹ” nhằm giáo dục, phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc, nhất là với các thế hệ thanh thiếu niên trong tỉnh; đồng viên*

*các tầng lớp nhân dân vượt qua mọi gian khổ, tiếp tục phấn đấu xây dựng một tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh.*

*Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí cách mạng lão thành, các cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và cơ sở cách mạng ở thành phố Biên Hòa, từng tham gia vào trận đánh năm xưa, đã đóng góp nhiều tư liệu quý để chúng tôi hoàn thành việc biên tập và tái bản quyển sách.*

*Thời gian diễn ra sự kiện đã 40 năm, nhiều nhân chứng lịch sử nay không còn. Việc tiếp cận quá khứ để phản ánh lại sự kiện lịch sử một cách trung thực, chắc hẳn không thể tránh được những sai sót. Chúng tôi mong đón nhận được những thông tin mới, những góp ý về sự kiện này của đồng chí, đồng bào.*

*Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả quyển sách “Trận đầu diệt Mỹ”.*

**TRẦN ĐÌNH THÀNH**

**(Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai,  
Trưởng ban Tuyên giáo)**

## **TỪ NHÀ MÁY BIF...**

Cuối thế kỷ 19, thực dân Pháp cơ bản đã đặt được ách thống trị ở Việt Nam. Chúng ra sức khai thác, bóc lột tài nguyên thiên nhiên và sức lao động ở bản xứ để làm giàu cho chính quốc.

Mục tiêu của thực dân Pháp đã được viên toàn quyền Đông Dương Pôn Đu-me (Paul Doumer) phát biểu công khai: “...Kỹ nghệ thuộc địa phải được lập ra để sản xuất những gì mà kỹ nghệ Pháp không sản xuất được. Đối với nước pháp, các thuộc địa đứng trên mọi quan điểm mà xét ngay cả trên lĩnh vực kỹ nghệ nữa chỉ là những căn cứ hoạt động giúp cho nước Pháp bành trướng được ra xa hoạt động của mình

trên thế giới”<sup>(1)</sup>. Du-me chỉ rõ hướng đầu tư và khai thác thuộc địa cho tư bản thực dân Pháp là : “Thành lập kỹ nghệ ở thuộc địa chỉ có thể khuyến khích không giới hạn nếu nó không tổn hại gì cho kỹ nghệ chính quốc”<sup>(2)</sup>.

Với mục tiêu và phương hướng phát triển trên, năm 1891 Mê - lin (Méline) giám đốc Hội kỹ nghệ và canh nông đã phát biểu: “... Nền sản xuất thuộc địa phải giới hạn ở chỗ là cung cấp cho chính quyền những nguyên liệu đầu tiên”<sup>(3)</sup>.

Từ phương hướng và chủ trương trên, năm 1897, Blông-den (Blondel) đã mở một trại cưa máy nhỏ ở thôn Tân Mai (Biên Hòa). Đồng thời tiến hành khảo sát nghiên cứu nguồn tài nguyên, nhân công cũng như khả năng thu lợi nhuận qua khai thác rừng ở Biên Hòa. Kết quả là năm 1907, Công ty kỹ nghệ và lâm nghiệp Biên Hòa được thành lập (Exploitation Forestier de la Biên Hòa Industrielle, gọi tắt là BIF).

Năm 1907, công ty bắt đầu xây dựng nhà máy cưa và chế biến gỗ với trang thiết bị mát móc hiện đại (so với lúc bấy giờ). Nhà máy được đặt ở thôn Tân Mai, xã Bình Trước (Biên Hòa). Đây là địa điểm ở gần đường xe lửa Bắc - Nam, quốc lộ số 1, quốc lộ 15 và gần sông Đồng Nai, rất thuận tiện cho việc khai thác và vận chuyển nguyên liệu. Đến 1912 nhà máy chính thức đi vào hoạt động.

Blông - den là giám đốc đầu tiên của nhà máy. Hắn cho làm một bài về khá dài nhằm phô trương và kêu gọi dân phu vào làm tại nhà máy. Đến sau này những người thợ còn truyền nhau nhớ được những câu như:

*Biên Hòa có hãng Blông - đen (Blondel)*

*Trai làm có vợ, gái lên có chồng...*

Những năm đầu thế kỷ 20, vùng Tân Mai rừng rậm còn bao bọc xung quanh. Thôn Tân Mai chỉ mới có vài mươi hộ dân. Khi nhà máy được xây dựng, khu cư xá thợ có khoảng 20 căn nhà bằng ván cây và vài túp lều nhỏ. Ngày qua ngày, dân thợ

---

<sup>1</sup>Giai cấp công nhân trước khi thành lập Đảng, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.18.

<sup>2</sup> Giai cấp công nhân trước khi thành lập Đảng, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.18

<sup>3</sup> Giai cấp công nhân trước khi thành lập Đảng, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.18



đông dần lên. Lúc đầu công nhân ở nhà máy chỉ có khoảng 100 người. Đến năm 1934 chủ hãng tăng thêm trang thiết bị máy móc, đổi tên thành hãng rừng và cưa Biên Hòa<sup>(4)</sup>, số lượng công nhân đã tăng lên đến 500 người<sup>(5)</sup>.

Để có nguyên liệu sản xuất Blông - đen cho lắp đặt hai nhánh đường sắt: từ ga Biên Hòa vào nhà máy và từ ga Trảng Bom vào Bến Nôm. Nhà máy có 5 đầu máy xe lửa và 20 toa tàu làm nhiệm vụ vận chuyển gỗ từ khu vực rừng Trảng Bom và Cây Gáo về nhà máy. Sản phẩm chính của nhà máy BIF trong thời gian này là gỗ ván sàn và các sản phẩm từ gỗ dành cho xuất khẩu.

Nhà máy BIF là cơ sở công nghiệp đầu tiên ở miền Đông Nam bộ. Cùng với sự ra đời của nhà máy BIF, đội ngũ công nhân “áo xanh” đầu tiên ở Biên Hòa đã được hình thành và không ngừng phát triển.

Cuộc sống của những người công nhân khai thác rừng và nhà máy BIF rất cực nhọc. Họ phải lao động mỗi ngày từ 10 đến 12 tiếng đồng hồ (mặc dù Nghị định ngày 11 tháng 10 năm 1936 của Toàn quyền Đông Dương quy định chỉ làm từ 8 đến 9 giờ). Người thợ không được phát đồ bảo hộ lao động, khi ốm đau lại thiếu thuốc men. Hàng ngày bọn cai, xu luôn theo dõi tìm mọi cách để đánh đập, cúp phạt lương công nhân. Hàng năm đến ngày lễ tết người thợ “biết điều” phải chạy cho ra quà cáp cho ông cai, ông xếp. Chủ nhà máy có quyền sa thải công nhân chẳng cần một luật lệ lao động nào.

Về lương của công nhân nếu tính bình quân hàng năm chủ tăng cho công nhân 10 phần trăm trong lúc đó giá lương thực, thực phẩm và đồ dùng sinh hoạt lại tăng từ 50 đến 100 phần trăm<sup>(6)</sup>. Đó là chưa kể hàng năm công nhân phải đóng thuế thân cho chính quyền thuộc địa từ 2,5 đến 3 đồng.

Công nhân nhà máy BIF đều xuất thân từ nông dân nghèo, chủ yếu là ở các ấp Lân Thành, Vĩnh Thi, Tân Mai (xã Bình Trước). Chính vì thế mà đội ngũ công nhân

---

<sup>4</sup> Tuy đổi tên nhưng người dân Biên Hòa vẫn quen gọi tên là nhà máy BIF

<sup>5</sup> Nếu tính cả công nhân khai thác gỗ, số công nhân ở đây lên đến hàng nghìn người.

<sup>6</sup> Năm 1937, lương của một công nhân đàn ông là 38 xu một ngày, phụ nữ 28 xu, trẻ em 18 xu. Năm 1938, lương của một người thợ đàn ông là 43 xu, phụ nữ là 31 xu, trẻ em 18 xu. Năm 1939, lương của một người thợ đàn ông là 45 xu, phụ nữ 32 xu, trẻ em 18 xu.

nhà máy và nông dân địa phương luôn có sự đồng cảm và giữa họ có sự liên kết rất tự nhiên trong đấu tranh chống áp bức bóc lột.

Sự đè nén áp bức của tư bản và tay sai (cai, xu) chính là nguyên nhân của sự phản kháng của công nhân nhà máy BIF. Những năm từ 1917 đến trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã nhiều lần công nhân đứng lên đấu tranh chống bọn chủ và tay sai. Nhưng chủ yếu là các cuộc đấu tranh lẻ tẻ tự phát nhằm vào một vài tên cai xu có hành động gian ác.

Nhà máy BIF ở gần trung tâm kỹ nghệ Sài Gòn: gần đê - bờ xe lửa Dĩ An, do vậy phong trào công nhân ở đây chịu ảnh hưởng của các cuộc đấu tranh của công nhân ở miền Nam. Đầu năm 1930, công nhân ở đây đã treo cờ, rải truyền đơn ủng hộ Xô - Viết Nghệ Tĩnh, ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng.

Phong trào đấu tranh của công nhân nhà máy BIF đặc biệt phát triển mạnh trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương. Năm 1936, Ủy ban hành động của nhà máy thành lập. Từ năm 1936 đến 1938, Ủy ban hành động đã lãnh đạo công nhân liên tục đấu tranh. Đây là những cuộc đấu tranh đầu tiên của công nhân có lãnh đạo tập trung, có phối hợp hành động với trung tâm công nghiệp Sài Gòn nhằm vào các mục tiêu đòi cải thiện đời sống, đòi tăng lương, cấm đánh đập, cúp phạt, đòi thi hành luật lao động<sup>(7)</sup>...

Những cuộc đấu tranh đã siết chặt hàng ngũ nâng cao nhận thức giai cấp cho công nhân. Và cũng từ phong trào đấu tranh này, năm 1937, chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương của nhà máy của BIF đã được thành lập.

Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, lần đầu cờ búa liềm đã được công nhân nhà máy treo trên dây cáp trục pa lăng chuyển gỗ của nhà máy.

Cuối năm 1944, chi bộ nhà máy phối hợp cùng chi bộ Sở Củi Trảng Bom lãnh

---

<sup>7</sup> Ngày 15 tháng 11 năm 1936, 400 công nhân ở nhà máy BIF bãi công phản đối chủ bắt lao động quá sức để bù những gì bị giảm theo nghị định ngày 11 tháng 10 năm 1936. Công nhân yêu sách tăng lương 30 xu mỗi ngày, cuối cùng chủ phải tăng 10 xu.

- Ngày 28 tháng 5 năm 1937: toàn thể công nhân nhà máy bãi công phản đối bọn cai đánh đập cúp phạt.
- Ngày 16 tháng 11 năm 1938: 200 công nhân nhà máy đình công phản đối chủ giảm giá khoán từ 1 đồng xuống còn 0,6 đồng.

đạo công nhân phá máy móc đầu máy, lật toa xe làm thất bại kế hoạch cung cấp 4000 mét khối gỗ cho phát xít Nhật đóng tàu phục vụ âm mưu đàn áp phong trào cách mạng ở Trung Quốc.

Những ngày cách mạng mùa thu 1945, hầu hết công nhân nhà máy BIF gia nhập tổ chức thanh niên tiên phong. Ngày 24 tháng 8, công nhân đã làm chủ nhà máy. Ngày 25 tháng 8, cùng với nhân dân Biên Hòa, công nhân BIF đã tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn.

Cuộc sống của công nhân nhà máy BIF chẳng khác gì nô lệ dưới chế độ thực dân tưởng đã đổi đời với làn sóng Cách mạng tháng Tám thì thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.

Theo lời kêu gọi của Bác: “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, công nhân nhà máy BIF thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, rồi cùng nhân dân quanh vùng đi kháng chiến. Người vào bộ đội trở thành chiến sĩ vệ quốc đoàn, cán bộ công đoàn, chiến sĩ quân giới sản xuất vũ khí cho cách mạng. Người ở lại nhà máy bám cơ sở để tiếp tế lương thực, làm giao liên, cung cấp nguyên vật liệu cho kháng chiến BIF trở thành cửa ngõ quan trọng của chiến khu Bình Đa suốt chín năm.

Thực dân Pháp lấy văn phòng nhà máy BIF dùng cho bộ chỉ huy trung đoàn bộ binh thuộc địa số 22 (22 e RIC), đồng thời là sở chỉ huy tiểu khu Biên Hòa, văn phòng phòng nhì để tìm kiếm đánh phá phong trào kháng chiến địa phương.

Suốt chín năm kháng chiến công nhân nhà máy của BIF đã đóng góp một phần vào những thắng lợi của phong trào địa phương. Nhiều công nhân nhà máy BIF đã mãi mãi nằm xuống vì sự nghiệp chung và nhiều người từ trong kháng chiến được trui rèn thành những cán bộ lãnh đạo của tỉnh<sup>(8)</sup>.

Vững vàng, tin tưởng vào cách mạng vượt qua gian khổ công nhân nhà máy BIF - những người thợ chiến sĩ BIF một thời đánh Pháp kiên cường lại tiếp tục chiến

---

<sup>8</sup> Tiêu biểu như Hoàng Đình Cận, Huyện đội trưởng huyện Vĩnh Cửu; Hoàng Bá Bích, Phó chủ tịch Ủy ban hành chính Biên Hòa; Đặng Nguyên, Giám đốc binh công xưởng Bà Rịa; Trịnh Trọng Tráng, Thư ký Công đoàn tỉnh Biên Hòa.



đấu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

### **...ĐẾN CƯ XÁ PHÁI ĐOÀN CỔ VẤN QUÂN SỰ (MAAG)**

Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Ngày 30 tháng 5 năm 1955, tên lính viễn chinh Pháp cuối cùng rời khỏi miền Nam. Đế quốc Mỹ đã thay chân Pháp thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng ở Đông Nam Á.

Ngày 7 tháng 7 năm 1954, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên ghế thủ tướng với lễ đăng quang rầm rộ, với những lời tâng bốc “chí sĩ” Diệm, ca ngợi chế độ cộng hòa ở miền Nam.

Âm mưu can thiệp và thôn tính Việt Nam của đế quốc Mỹ không phải chờ khi con rôi Ngô Đình Diệm được chúng cất đặt làm diễn viên chính của chế độ tay sai.

Cuối năm 1949 thực dân Pháp ngày càng sa lầy ở Việt Nam và Đông Dương. Cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương đã trở thành một gánh nặng quá sức chịu đựng của nền kinh tế Pháp chưa hồi phục sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Pháp phải lên tiếng cầu cứu sự chi viện của Mỹ, dù biết việc làm này có ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của chúng ở Đông Dương.

Tiếp nhận lời khẩn cầu của Pháp, trong cuộc họp Hội đồng an ninh quốc gia, tổng thống Hoa Kỳ Tru - man đã có kế hoạch thay chân Pháp ở các thuộc địa. Thắng lợi của nhân dân Trung Quốc giải phóng Trung Hoa lục địa tháng 10 năm 1949 và đặc biệt cuộc chiến tranh ở Triều Tiên nổ ra, buộc đế quốc Mỹ càng dần sâu ở Đông Dương. Vấn đề Đông Dương và Việt Nam không còn là vấn đề chỉ của thực dân Pháp, mà là vấn đề có ảnh hưởng đến vị trí đứng đầu của Mỹ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai trong hệ thống tư bản chủ nghĩa; bởi sự thất bại của thực dân Pháp ở thuộc

địa có thể dẫn đến nguy cơ hình thành một nước Việt Nam cộng sản, đưa cả Đông Dương vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Bị vong lục của Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ NSC-64 ngày 27 tháng 2 năm 1950 đã nêu: “Điều quan trọng đối với lợi ích an ninh của Hoa Kỳ là phải áp dụng mọi biện pháp có thể thực hiện để ngăn chặn cộng sản bành trướng thêm nữa ở Đông Nam Á. Đông Dương là khu vực chủ chốt ở Đông Nam Á và đang bị đe dọa trước mắt”.

Dựa vào văn bản NSC-64, giới quân sự ở Mỹ đã gây sức ép để quốc hội Mỹ chấp thuận viện trợ cho thực dân Pháp nhằm đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương. Ngày 8 tháng 5 năm 1950, tổng thống Tru-man phê chuẩn khoản viện trợ đầu tiên cho Pháp là 10 triệu đô la.

Cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Đông Dương và Việt Nam càng phát triển bất lợi cho Pháp thì viện trợ của Mỹ đổ vào ngày một gia tăng. Từ 10 triệu đô la năm 1950, viện trợ Mỹ đã lên đến 1.063 triệu vào đầu năm 1954, chiếm trên 78 phần trăm chi phí của Pháp ở Đông Dương.<sup>(9)</sup>

Để chỉ huy việc viện trợ, tháng 2 năm 1950, Mỹ triển khai phái đoàn MAAG tại Sài Gòn (Mission Army American Group) do tướng O Đa - ni - en (O. Daniel) cầm đầu làm nhiệm vụ phân phối viện trợ quân sự cho Pháp ở Đông Dương.

Thực tế cho thấy từ 1950 đến 1954, MAAG chỉ có mặt ở Việt Nam thuần túy với tư cách một phái đoàn viện trợ quân sự cho thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược.

Nhưng với viện trợ Mỹ, thực dân Pháp vẫn không thể cải thiện được tình hình chiến trường và ngày càng đi vào con đường hầm không lối thoát.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng đã báo hiệu sự kết thúc vai trò của thực dân Pháp ở Đông Dương.

---

<sup>9</sup>Đến đầu năm 1954, Mỹ đã viện trợ cho Pháp: 360 máy bay các loại, 250 thủy phi cơ, 16.000 xe hơi, 1.400 xe tăng, thiết giáp, 390 tàu xuồng, 175.000 súng trường, súng máy, 240 triệu đạn nhỏ, 15 triệu đạn pháo. Từ năm 1950 đến năm 1951, trang bị của Mỹ đổ vào Đông Dương là 6.000 tấn trong một tháng thì đến 1953-1954, trang bị Mỹ đổ vào Đông Dương 80.000 tấn trong một tháng.

Đồng thời với chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân ta, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết cũng là thời cơ tốt để Mỹ thay chân Pháp và khẳng định vai trò “một ông chủ mới” ở Đông Dương và Nam Việt Nam.

\*\*\*

Con bài Ngô Đình Diệm – kẻ đã sống ở Mỹ từ năm 1950 đến 1953 dưới sự đỡ đầu của hồng y giáo chủ Xpen-man đã lọt vào cặp mắt của đế quốc Mỹ từ một kẻ lưu vong, Diệm nhanh chóng được Mỹ cất nhắc để đứng đầu chính phủ tay sai chống cộng ở miền Nam Việt Nam.

Trước đó, vào tháng 4 năm 1954, Mỹ đã cho tổ chức lại phái đoàn cố vấn quân sự MAAG tại Sài Gòn do O.Đa-ni-en điều khiển. Ngày 24 tháng 10 năm 1955, trung tướng Su-mu-en T.Uy-li-am (Samuel T.William) được cử làm trưởng đoàn MAAG tại Nam Việt Nam.

Để xóa bỏ ảnh hưởng của Pháp ở miền Nam, nhất là trong giới quân sự, Mỹ giải tán “Phái bộ huấn luyện quân sự hỗn hợp Pháp - Mỹ” (gọi tắt là TRIM) và lập ra “Phái bộ huấn luyện, tác chiến lục quân” vào tháng 3 năm 1956 (Combat Army training Organization gọi tắt là CATO). Đến tháng 6, Mỹ triển khai thêm “Phái bộ trang bị và cung cấp” (Temporary Equipment recovery mission gọi tắt là TERM). Cả hai phái bộ này đều do MAAG điều khiển.

Các đoàn chuyên gia, cố vấn quân sự Mỹ tấp nập vào Sài Gòn. Từ năm 1954 đến năm 1959 có 60 đoàn, thì riêng năm 1959 đã có 15 đoàn. Phái đoàn MAAG ngày càng được tăng cường và kiện toàn từ 200 tên năm 1954 lên 669 tên năm 1956 và 2000 tên vào năm 1959 (trong đó có 250 sĩ quan cao cấp).

MAAG đã trở thành cha đẻ và người nuôi dưỡng quân đội quốc gia của ngụy quyền Sài Gòn và thực chất là bộ chỉ huy quân sự tối cao ở miền Nam Việt Nam.

Trụ sở chính của MAAG đặt tại Sài Gòn, ngoài ra còn hai trụ sở khác ở Đà Nẵng và Biên Hòa phụ trách chỉ huy huấn luyện quân ngụy ở miền Trung và miền Đông Nam bộ.

Đầu năm 1959, Diệm cải tổ lại quân nguy từ 10 sư đoàn đã chiến với quân số 150.000 thành 7 sư đoàn bộ binh, trong đó có sư đoàn 7 (từ sư đoàn 4 đã chiến) bộ chỉ huy đóng tại thị xã Biên Hòa.

Ngày 1 tháng 7 năm 1958, dưới sức ép của chính quyền Diệm chủ nhà máy của BIF Gi-mông phải bán cơ sở lại cho Trần Lệ Xuân để lập ra “Công quản khai thác nhà máy của BIF” Để rồi sau đó, văn phòng nhà máy của BIF trở thành cư xá của chuyên gia cố vấn Mỹ trong phái đoàn MAAG đang làm nhiệm vụ huấn luyện cố vấn cho sư đoàn 7 tại Biên Hòa.

Việc có mặt đoàn cố vấn quân sự Mỹ ( MAAG ) tại miền Nam Việt Nam cũng như Biên Hòa là một sự vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Bởi vì trong tuyên bố cuối cùng của hội nghị có ghi điều khoản: “Hội nghị chấp nhận những điều khoản trong hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam về việc cấm đem vào Việt Nam quân đội và nhân viên quân sự nước ngoài”

## **BƯỚC VÀO THÁCH THỨC LỚN**

Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đất nước ta tạm thời chia làm hai. Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tạm thời do thực dân và tay sai quản lý, bước vào thời kỳ đấu tranh mới tiến tới hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước sau hai năm (tháng 7 năm 1956). Vĩ tuyến 17 được lấy làm ranh giới hai miền như hiệp định ghi rõ: “Mục đích căn bản của hiệp định về Việt Nam là giải quyết các vấn đề về quân sự để đình chỉ chiến sự, và giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là ranh giới về chính trị hay lãnh thổ”. Hai miền Nam - Bắc sẽ tiến hành hiệp thương (7-1955) đi đến tổng tuyển cử (7-1956) thống nhất đất nước.

Với việc triển khai phái đoàn cố vấn quân sự (MAAG) ở Sài Gòn tiến hành huấn luyện trang bị cho quân nguy, để quốc Mỹ đã xé bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ tiến hành chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới thành tập đoàn chống cộng ở Đông Nam Á.

Từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 7 năm 1956, với sự chỉ đạo của Mỹ, Diệm tập trung sức lực vào việc loại bỏ ảnh hưởng của thực dân Pháp ở miền Nam, tiến hành thanh trừng những phe phái đối lập (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên...), xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng quân đội và chính quyền tay sai các cấp. Tuy nhiên, đối tượng đánh phá chủ yếu của chúng vẫn là Đảng Cộng Sản và phong trào yêu nước do Đảng lãnh đạo. Từ tháng 4 năm 1954, Diệm đã thành lập một ủy ban chống cộng do Trần Chánh Thành cầm đầu.

Theo chỉ đạo của Trung ương Đảng ta, dựa vào thắng lợi của hiệp định và khí thế cách mạng của quần chúng sau cuộc kháng chiến chín năm, Tỉnh ủy Biên Hòa, Thị ủy Biên Hòa<sup>(10)</sup> đã bố trí cán bộ, đảng viên bám vào quần chúng vận động, xây dựng mạng lưới cơ sở khắp xã phường, khu phố ở nội ngoại ô thị xã. Đồng thời lãnh đạo phong trào đấu tranh sôi nổi đòi thi hành hiệp định tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đòi tự do dân chủ, dân sinh bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động được cách mạng đem lại.

Nghiệp đoàn nhà máy cưa BIF do cán bộ, đảng viên cộng sản làm nòng cốt lãnh đạo lợi dụng hình thức hoạt động hợp pháp lãnh đạo công nhân liên tục đấu tranh đòi cải thiện chế độ làm việc, thi hành luật lao động. Đặc biệt ngày lễ Lao động Quốc tế 1 tháng 5 năm 1955, nghiệp đoàn lãnh đạo 600 công nhân nhà máy cưa cùng nhân dân thị xã Biên Hòa kéo về sân banh mít tinh với khẩu hiệu, biểu ngữ đòi dân sinh, dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất hai miền Nam - Bắc.

Tinh thần, khí thế đấu tranh của quần chúng phần nào gây cho cán bộ, đảng viên ở Biên Hòa lo ngại là mất cảnh giác trong phương châm, phương thức hoạt động mà Trung ương chỉ ra là “Khéo hoạt động, khéo che giấu lực lượng”.

Sau trò hề bầu cử quốc hội ngày 4 tháng 3 năm 1956 với chiêu bài dân chủ giả hiệu, Diệm đã củng cố một bước chính quyền tay sai cùng với việc tảo thanh các giáo phái. Nắm chắc quân đội, Diệm bắt đầu tập trung đánh vào lực lượng và phong trào yêu nước do Đảng Cộng Sản lãnh đạo. Chúng thành lập thêm tỉnh Long Khánh,

Phước Long, Phước Thành để cô lập, tăng cường đánh phá cách mạng.

Tháng 7 năm 1956 chúng mở chiến dịch Trương Tấn Bửu do tên tướng Mai Hữu Xuân làm tư lệnh đánh vào tám tỉnh miền Đông. Sư đoàn 4 dã chiến, quân chủ lực ngự ở Biên Hòa kết hợp cùng bọn bảo an, dân vệ, cảnh sát mở những cuộc hành quân bố ráp, bắt bớ, giam cầm người yêu nước, phát hiện và đánh vào cơ sở cách mạng. Đồng thời tăng cường hành quân đánh phá liên tục vào căn cứ chiến khu Đ. Do bộc lộ lực lượng trước đó, hàng loạt cán bộ, đảng viên và cơ sở nội, ngoại thị xã Biên Hòa bị địch phát hiện và bắt bớ<sup>(11)</sup>

Tại thị xã Biên Hòa, địch dựng lên “Trung tâm huấn chính” (nhân dân gọi là nhà lao Tân Hiệp) để giam giữ, phân loại những người kháng chiến, yêu nước mà chúng bắt từ các tỉnh miền Nam. Chiến dịch Trương Tấn Bửu càng kéo dài, số người bị địch bắt giam tại nhà lao Tân Hiệp càng tăng. Đến tháng 11 năm 1956, số người bị giam giữ ở đây đã lên đến 2368 người.

Thị ủy Biên Hòa đã chuyển hướng chỉ đạo, “điều lắng” số cán bộ, đảng viên bị lộ nơi này đi nơi khác hoạt động, đồng thời cũng bố trí một số đồng chí còn khả năng hợp pháp ra căn cứ. Một mặt Thị ủy thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc ngăn cách bí mật để giảm bớt thiệt hại cho cách mạng.

16 giờ chiều ngày 2 tháng 12 năm 1956. Đảng ủy nhà lao Tân hiệp (do đồng chí Nguyễn Trọng Tâm tức Bảy BK làm Bí thư) đã lãnh đạo cuộc phá khám. Gần 500 cán bộ, đảng viên, người yêu nước đã cướp vũ khí bọn lính canh, phá nhà giam trở về với cách mạng, với nhân dân<sup>(12)</sup>. Số anh em thoát ra, tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa, huyện ủy Vĩnh Cửu, Long Thành đã giúp đỡ, bố trí về chiến khu Đ Bà Rịa, Hắc Dịch qua lộ 15 về Cần Giuộc, Rừng Sác, các tỉnh miền Tây Nam bộ an toàn.

Cuộc phá khám ở Tân Hiệp là đòn đánh mạnh vào dã tâm bán nước và chế độ phát xít ở miền Nam, thể hiện ý chí kiên cường bất khuất của những người cộng sản

---

<sup>10</sup> Gồm: Lê Văn Nhiêu (Năm Nhiêu), Trương Văn Lễ (Ba Lễ), Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa), Nguyễn Việt Hồng (Năm Hồng), Năm Dũng...

<sup>11</sup> Như ông bà Năm Ký ở Hiệp Hòa (là cha mẹ của đồng chí Thị ủy viên Nguyễn Văn Hoa); đồng chí Xu, Bí thư xã Tam Hiệp bị bắt đày ra Côn Đảo.

<sup>12</sup> Mang ra được 2 trung liên, 17 súng trường mát, 11 tiểu liên mi-tuy-n 2 tiểu liên tô-m-xon, 1 súng ngắn.



yêu nước; đồng thời bổ sung thêm nhiều cán bộ cho lực lượng cách mạng ở miền Nam.

Những năm sau, địch càng ngày càng ra mặt phát xít chúng tổ chức những cuộc “tổ cộng” hò hét “Bắc tiến”; sử dụng đòn tâm lý chiến gây nghi ngờ chia rẽ lực lượng cách mạng. Bọn mật vụ, chỉ điềm luôn rình rập theo dõi phát hiện cơ sở, đánh phá phong trào càng ác liệt. Ngày 2 tháng 12 năm 1958, địch gây ra vụ thảm sát Phú Lợi, đầu độc hàng ngàn đảng viên, người yêu nước bị giam giữ. Nỗi căm hờn, uất ức của nhân dân ngày càng cao.

Tình hình căng thẳng, không khí u tối, khủng bố bao trùm cả Biên Hòa. Đảng tồn tại được chính là nhờ vào lòng dân với niềm tin chiến thắng. Cán bộ cách mạng nếu bị sa vào tay giặc không tù đầy cũng bị thủ tiêu. Cơ sở cách mạng dám chứa chấp bảo vệ cán bộ nếu bị địch phát hiện thì một là nhà tan cửa nát hai cũng tù đầy có thể hy sinh cả tính mạng. Ấy vậy, mà ngay trong lòng thị xã Biên Hòa vẫn không hiềm những cơ sở trung kiên không sợ hy sinh vẫn hết lòng chở che đùm bọc cán bộ, đảng viên. Xóm chợ cao su (chợ đường rầy đôi diện khách sạn 57) có bà Bảy Vết, ấp Lân Thị có ông Ba Diệu, ông Năm Tiêu, xóm cây Chàm có ông Năm Niên, xóm Gò Me (Lân Thành) có má Xuân, má Sáu Tơ, anh Sáu A, Hai Quýt...

Trong cuộc đấu tranh một mất một còn nếu cán bộ cách mạng còn bám trụ được ở thị xã Biên Hòa là những hạt giống đỏ thì những cơ sở cách mạng trong lòng địch chính là mảnh đất, là người chăm sóc để hạt giống nảy mầm lên.

Cuối năm 1957, nhiều cán bộ của thị xã Biên Hòa không còn khả năng hoạt động hợp pháp được Thị ủy bố trí cho thoát ly gia nhập vào đội vũ trang tập trung của tỉnh<sup>(13)</sup>, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Hoa, thị ủy viên (người sau này chỉ huy phân đội đánh vào cư xá phái đoàn MAAG Mỹ).

Qua thực tế đàn áp, khủng bố của Diệm với phong trào yêu nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân Biên Hòa đã nhận thức rằng: Khi kẻ địch đã ra mặt phát xít, sử dụng bạo lực phản cách mạng thì chỉ còn một con đường là phải sử dụng bạo lực

---

<sup>13</sup> Đội vũ trang do đồng chí Ba Viên làm đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) làm chính trị viên.

cách mạng giáng trả lại. Thị xã Biên Hòa đã cho đào súng chôn giấu sau khi chuyển quân tập kết và bí mật trang bị cho cán bộ để tự vệ. Trong hai năm 1958, 1959, nhiều cuộc diệt ác ôn tay sai đã diễn ra ở Tam Hiệp, Bình Đa, Hiệp Hòa và vùng căn cứ chiến khu Đ (Tân Uyên). Dĩ nhiên là phải diệt êm không để bộc lộ lực lượng với địch và nghe ngóng sự chỉ đạo của trên vì lúc này Trung ương chưa cho sử dụng bạo lực vũ trang. Có cuộc diệt ác bị phát hiện (diệt tên Sự ở Bình Đa), cả Ban Chấp hành Thị ủy Biên Hòa phải chịu hình thức kỷ luật cảnh cáo.

\*\*\*

Năm 1957, lực lượng vũ trang miền Đông đã tiến công Trại Be đường Trần Lê Xuân (Biên Hòa), đánh vào Minh Thạnh, đặc biệt tiến công Dầu Tiếng (10-8-1958) gây tiếng vang rất lớn. Đây là những phát pháo hiệu cho thấy nhân dân miền Nam không còn cam tâm để Diệm mặc sức ra tay khủng bố. Cộng vào đó hàng loạt cuộc diệt bọn ác ôn khắp miền Nam làm cho chính quyền ngụy ở cơ sở trong tình trạng hoang mang sa sút tinh thần<sup>(14)</sup>. Tất cả đã tạo nên một bức tranh ảm đạm đối với chính quyền Diệm. Tháng 3 năm 1959, Diệm đã phải hốt hoảng la lên rằng: “Miền Nam đang ở trong tình trạng chiến tranh”.

Sự hốt hoảng của Diệm một mặt cho thấy nhân dân miền Nam đã không thể chấp nhận một chế độ tay sai, độc tài, phát xít. Một mặt, đó cũng là một cái cớ để Diệm tiếp tục lún sâu vào tội ác với nhân dân.

Ngày 6 tháng 5 năm 1959, Diệm ban hành luật số 10 (thường gọi là luật 10/59) tuyên bố “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”.

Chúng thiết lập cái gọi là “Tòa án quân sự đặc biệt” để xét xử không chỉ người có hành động chống đối Diệm, mà cả những người chỉ mới có ý nghĩ chống đối hần. Và dù bị ghép vào loại nào cũng chỉ có hai mức án là tử hình hoặc chung thân.

Trước khi ra luật 10/59, báo chí của Diệm đã mở một chiến dịch tuyên truyền rầm rộ nói xấu bôi nhọ người cộng sản, chủ nghĩa cộng sản nhằm biện minh cho sắc luật phát xít phản dân của Diệm.

.....

Báo “Cách mạng quốc gia” một tờ báo của Diệm ra ngày 15 tháng 4 năm 1959 kêu gọi:

“...Đừng nhẹ tay với cộng sản, không nên xem cộng sản là người, phải bắn cộng sản không run tay súng.”

Khi truyền đạt luật 10/59 cho bọn tay chân Diệm thường nhắc đến khẩu hiệu hành động “Giết lầm còn hơn bỏ sót”. Thật mỉa mai cho một sắc luật! Kẻ ôm chân đế quốc Mỹ, sẵn sàng bán nước hại dân lại tự vỗ ngực là yêu nước là “chí sĩ”. Và người mà Diệm tuyên bố “giết lầm còn hơn bỏ sót” lại chính là người đã lãnh đạo toàn dân làm nên một chiến thắng Điện Biên Phủ, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp gần 100 năm trên đất nước Việt Nam: là người đã đem lại ruộng đất cho nông dân và đang là ngọn cờ lãnh đạo cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Trong lúc đế quốc Mỹ và bộ máy tuyên truyền đang ra sức ca ngợi Diệm: ca ngợi một chế độ “tự do”, “chính thể cộng hòa” ở miền Nam, thì luật 10/59 chính là lời tố cáo đanh thép nhất tội ác của chế độ tay sai đối với nhân dân ở miền Nam Việt Nam<sup>(15)</sup>.

Với luật 10/59 trong tay, Diệm lê máy chém khắp nơi, một không khí khủng bố, hoang mang bao trùm khắp thôn ấp, xóm làng miền Nam. Dân càng chống đối, Diệm càng đàn áp khủng bố, phong trào đấu tranh càng lan rộng và phát triển cán bộ tổ chức tại Bình Đa đã bị địch vây ráp bắt gọn, trong đó có một cán bộ không giữ được khí tiết cộng sản, đầu hàng và trở thành một tên chỉ điểm nguy hiểm đánh phá lại cách mạng. Hắn chỉ cho địch nhà cơ sở cách mạng thậm chí nhà đã từng nuôi và che giấu hắn. Hàng loạt cơ sở cán bộ ở Biên Hòa sa vào tay giặc. Cùng thời gian Bí thư Huyện ủy Long Thành cũng ra chiêu hàng, chỉ điểm cho địch bắt trên 300 cán bộ cơ sở ở Biên Hòa. Tỉnh Biên Hòa khi tập kết còn lại 1958 cán bộ đảng viên, đến cuối

---

<sup>14</sup> Theo báo cáo mật Lầu Năm Góc, vào cuối năm 1959 đã có 119 cuộc ám sát (diệt ác) trên toàn miền Nam.

<sup>15</sup> Điện ngày 14 tháng 5 năm 1959 gửi Ủy ban kiểm soát giám sát quốc tế của đồng chí Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng quốc phòng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vạch rõ “Luật 10/59 vi phạm nguyên tắc thông thường của các nước văn minh. Các nước văn minh đều không công nhận một chế độ pháp luật lấy động cơ phạm pháp làm yếu tố phạm pháp để trừng trị. Luật 10/59 biểu hiện một chế độ hình phạt còn tàn bạo hơn là chế độ Hít-le, tức bỏ bất kỳ một bảo đảm tối thiểu nào cho người bị đem ra xử, nó giầy xéo một cách trắng trợn lên những nguyên tắc tổ tụng sơ đẳng nhất, nó xâm phạm đến quyền tự do căn bản của con người”.

1959 chỉ còn 600.

Trong lúc Diệm ra sức khủng bố phong trào cách mạng miền Nam, lực lượng cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng thì đế quốc Mỹ vẫn không ngừng tăng cường viện trợ, nhất là viện trợ quân sự làm chỗ dựa cho chế độ tay sai ở Sài Gòn.

Từ năm 1957, Mỹ đẩy mạnh tốc độ xây dựng mở rộng các sân bay trong đó có sân bay chiến lược Biên Hòa<sup>(16)</sup>. Mở xa lộ Biên Hòa-Sài Gòn (1958), bến cảng, căn cứ quân sự. Các chuyến tàu viện trợ vũ khí của Mỹ tấp nập vào các cảng: năm 1957 có 109 chuyến, năm 1958 tăng lên 114 chuyến và năm 1959 lên đến 126 chuyến<sup>(17)</sup>. Hàng viện trợ của Mỹ cho Diệm trong năm 1959 đã chiếm tới 61 phần trăm ngân sách chính quyền ngụy Sài Gòn (nếu tính cả bộ máy an ninh thì lên đến 87 phần trăm).

Rõ ràng, kẻ xâm lược nhiều tiền là đế quốc Mỹ đã trở thành chủ nhân thật sự ở miền Nam bị chiếm đóng. Chính quyền Diệm chỉ còn là bộ máy bù nhìn tay sai thực hiện các lệnh của chủ.

Phái đoàn cố vấn quân sự MAAG thực chất trở thành bộ chỉ huy quân sự tối cao ở miền Nam Việt Nam, là tổ chức điều hành trực tiếp cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Tháng 5 năm 1959, tư lệnh quân Mỹ ở Thái Bình Dương (CINPAC) đã lệnh cho các cố vấn Mỹ trong phái đoàn MAAG phải xuống đến tận trung đoàn bộ binh, các tiểu đoàn pháo binh, thiết giáp và lính thủy đánh bộ.

Tại Biên Hòa, bọn cố vấn Mỹ trong đoàn MAAG ở cư xá tại BIF đã triển khai xuống đến cấp trung đoàn của sư đoàn 7 bộ binh và chuẩn bị triển khai cố vấn xuống cấp tiểu đoàn.

Thị xã Biên Hòa với sân bay chiến lược đang được mở rộng và nâng cấp, với bộ tư lệnh vùng III chiến thuật, đặc cảnh miền Đông và bộ máy cảnh sát chìm nội thật sự đã trở thành một thành phố quân sự với trại lính và Snach-bar (quán rượu).

---

<sup>16</sup> Sân bay Biên Hòa trong thời kỳ chống Mỹ là sân bay quân sự lớn nhất ở Đông Dương, Đông Nam Á.

<sup>17</sup> Tính đến 1959, Mỹ đã cho Diệm 66 máy bay, 4.808 súng các cỡ, 116 triệu viên đạn, 8628 xe ô tô, thiết lập 46 sân bay quân sự và 11 căn cứ hải quân.

Đã đến lúc “tức nước vỡ bờ”. Đã đến lúc thấy bằng đấu tranh chính trị thuần túy, bằng bạo lực chính trị của quần chúng không thể giành thắng lợi trước một kẻ thù phát xít, khủng bố đã man bằng bạo lực phản cách mạng.

Chỉ có cán bộ, đảng viên đi sát với nhân dân mới thấy hết mong muốn thiết tha của họ. Nhiều bà má ở Biên Hòa khi đưa cơm nuôi cán bộ, đảng viên dưới hầm bí mật đã ví von: “Đấu tranh chính trị, địch đánh sứt đầu mẻ trán. Thành công đâu không thấy, chỉ thấy “thòng canh”! (thòng canh nói láy là thành công).

Đế quốc Mỹ đã trở thành kẻ thù trước mắt và trực tiếp của cách mạng và nhân dân ta.

## **CHỦ CHƯƠNG TÁO BẠO, SÁNG TẠO ĐÚNG ĐẮN.**

Đánh Mỹ, diệt bọn cố vấn Mỹ - ý định táo bạo bắt đầu hình thành trong suy nghĩ một số đồng chí cán bộ lãnh đạo Liên tỉnh miền Đông, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Chí, Phó Bí thư.

Nhưng nỗi lo lớn của các đồng chí là chưa báo cáo được với cấp trên. Liệu Xứ ủy và Trung ương có đồng tình ủng hộ không ? Hậu quả của việc làm này đối với toàn cục cũng như phong trào cách mạng ở địa phương như thế nào ? Đây là một vấn đề hệ trọng có liên quan đến mối quan hệ quốc tế. Không phải tất cả các nước anh em đã ủng hộ chủ trương này. Họ vẫn sợ “một đóm lửa đốt cháy cánh đồng”. Mặt khác, nếu “tiến hành đánh thì đánh ở đâu ? Tổ chức đánh như thế nào để có tác dụng tốt và bảo toàn lực lượng...” Hàng chục câu hỏi là những bài toán hóc búa cần được giải đáp.

Tuy vậy ý định đánh Mỹ, những kẻ trực tiếp xâm lược đất nước ta, ngày càng hằn sâu trong tiềm thức của các đồng chí. Cả trong những giấc ngủ chập chờn ở vùng sâu căn cứ, bên cạnh bề bộn các công việc khác, ý tưởng đánh Mỹ vẫn canh cánh bên lòng các đồng chí. Chẳng phải các nghị quyết của Đảng đã xác định đế quốc Mỹ đã là

kẻ thù trực tiếp, là đối tượng của cách mạng đó sao ?

Về việc Trung ương và Xứ có phê bình không, đồng chí suy nghĩ: Trước đây, ta đã đánh Trại Be, Minh Thạnh, Dầu Tiếng... Xứ đã không có ý kiến, tức là đồng tình. Thứ hai là địch có chịu tổng tuyển cử theo Hiệp định Giơ-ne-vơ đâu? Chúng ngày càng ra mặt khùng bô và phát ít, nhân dân không thể chịu đựng được nữa. Tình thế phải đánh Mỹ đã chín mùi.

Từ suy nghĩ này, đồng chí Sáu Chí đưa ra thảo luận cùng một số anh em trong Liên Tỉnh ủy như Tám Xuyên, Tám Đào, Hồng Vũ... Hầu hết các đồng chí đều nhất trí đã đến lúc phải đánh Mỹ. Liên Tỉnh ủy phân công đồng chí Tám Chánh phụ trách Gia Định, Tám Đào phụ trách Bà Rịa - Vũng Tàu, Tám Xuyên phụ trách Biên Hòa. Những nơi này đều phải nghiên cứu tình hình triển khai của các cô vấn Mỹ đang phụ trách việc xây dựng, mở rộng các căn cứ quân sự, sau đó báo cho Liên Tỉnh ủy để chọn điểm đánh.

Đồng chí Tám Xuyên chọn điểm nghiên cứu là sân bay Biên Hòa đang được Mỹ mở rộng thành sân bay quân sự chiến lược.

Đánh Mỹ ở Biên Hòa thắng lợi sẽ có tác động lớn vì sau Sài Gòn đây là hậu cứ, là trung tâm đầu não của bọn Mỹ - nguy ở miền Đông. Nơi bọn chúng mệnh danh là “Đông Đô”, là sân sau của Sài Gòn.

Ban quân sự miền Đông giao trách nhiệm cho đồng chí Lâm Quốc Đăng, Phó Ban quân sự miền Đông trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ quan trọng này với phương châm là tuyệt đối bí mật, an toàn, chắc thắng.

Tháng 2 năm 1959, đồng chí Năm Hoa, nguyên là Thị ủy viên thị xã Biên Hòa, đội phó đơn vị C250 - đơn vị chủ lực tập trung của Miền<sup>(18)</sup> cùng với đồng chí Cá một chiến sĩ trong đơn vị về bám trụ ở xã Bình Hòa (nay thuộc huyện Vĩnh Cửu) nghiên cứu tình hình bọn Mỹ ở sân bay.

Là người sinh ra và lớn lên ở Hiệp Hòa, một xã Cù Lao ven thị xã có truyền

---

<sup>18</sup> C250 nguyên là đơn vị vũ trang của tỉnh Biên Hòa thành lập tháng 10-1957. Năm 1958, đơn vị chuyển về trên, làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang của Miền.